

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2023/HC-PT

Ngày: 05/10/2023

*V/v Yêu cầu hủy quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 476/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 06 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07b/2023/HCST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11083/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 và ông Bùi Trắc Đ, sinh năm 1957; đều trú tại địa chỉ: Thôn V1, xã V2, huyện C, thành phố Hải Phòng, xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Huy T, sinh năm 1948 và ông Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1967; cùng trú tại: Thôn T, xã V2, huyện C, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2022 tại trụ sở UBND xã V2, huyện C, thành phố Hải Phòng), đều xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Bùi Thị N và bà Lê Thị Thúy H, Luật sư Công ty Luật G thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng, xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số X, đường H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trung C, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Đỗ Mạnh H, Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Ông Hoàng Đình M, Giám đất Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số Y đường H, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh Q, Phó Chủ tịch thường trực UBND thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 4325/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng), xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phạm Văn T, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Hoàng Trung C, Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện C, vắng mặt.

+ Ông Trần Đức H, Trưởng phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật – Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982; anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1983; chị Đỗ Thị T, sinh năm 1983; đều trú tại: Thôn V1, xã V2, huyện C, thành phố Hải Phòng, đều xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022, bổ sung ngày 28/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đều thống nhất trình bày:

Để thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C, ngày 09/08/2017, UBND huyện C ban hành Thông báo số 1962/TB-UBND về việc thu hồi 6.386,8m² đất nông nghiệp do gia đình bà Nguyễn Thị L (chồng là Bùi Trắc Đ) đang quản lý, sử dụng tại địa bàn xã V2, huyện C. Diện tích thu hồi thực tế là 6.744,6m² trong đó diện tích đất 640,8m² sử dụng vào mục đích làm muối (Quyết định thu hồi số 1834/QĐ-UBND ngày 31/10/2017) và diện tích đất 6.103,8m² sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản (Quyết định thu hồi số 1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2017).

Về nguồn gốc diện tích đất làm muối 640,8m²: Do Hợp tác xã muối V1 chia cho bà L (xã viên) để làm muối trước năm 1993. Trong đó có 459m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và 181,8m² đất ô lè, bề chạt chưa được

cấp GCNQSDĐ. Diện tích ô lè, bề chặt chưa được cấp GCNQSDĐ là do sơ suất khi đo đạc và tính toán tại thời điểm cấp GCNQSDĐ bởi lẽ người nông dân làm muối theo phương pháp thủ công thì phải có ô lè, bề chặt. Khi cấp GCNQSDĐ làm muối mà không đo đạc cấp cả phần diện tích đất ô lè, bề chặt là chưa phù hợp với thực tế sử dụng đất của người dân. Do đó, toàn bộ diện tích 640,8m² đất làm muối của gia đình bà L cần phải được xác định đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và phải được bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị.

Về nguồn gốc diện tích đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) 6.103,8m²: Do gia đình bà L khai hoang, phục hóa từ trước năm 1993. Sau đó, ký các hợp đồng sử dụng mặt nước với UBND xã V2 liên tục đến năm 2016. Toàn bộ diện tích này gia đình bà L vẫn tiếp tục sử dụng cho đến khi bị thu hồi.

Tại quyết định phê duyệt phương án bồi thường và quyết định điều chỉnh phương án bồi thường thì gia đình bà L được bồi thường 100% giá đất đối với diện tích 4.700m² đất làm muối và NTTS trong hạn mức, còn lại 2.113,6m² đất xác định đất ngoài hạn mức nên chỉ xem xét hỗ trợ 20% giá trị đất và không xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề theo quy định pháp luật. Tổng số tiền bồi thường (đất + tài sản vật kiến trúc + cây cối, hoa màu + hỗ trợ) là 1.882.199.160 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi đồng*).

Không đồng ý với nội dung các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, ông Bùi Trắc Đ đã có đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3069/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông; Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2285/QĐ-UBND ngày 12/8/2021. Theo đó, UBND huyện C đã ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, nhưng chỉ bổ sung bồi thường thêm diện tích 528m² đất trong hạn mức; diện tích đất còn lại là 1.585,6m² vẫn xác định là đất nông nghiệp vượt hạn mức.

Người khởi kiện cho rằng toàn bộ diện tích đất 6.744,6m² đã được gia đình ông bà sử dụng liên tục, ổn định trong suốt 30 năm qua, không tranh chấp với ai, không bị xử phạt hành chính về đất bởi hành vi “tự khai hoang” là đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải được bồi thường 100% về đất và hưởng các khoản hỗ trợ khác theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 77, khoản 1 Điều 101 Luật đất đai.

Đối với các hợp đồng thuê đất công ích 5% giữa UBND xã V2 đối với hộ bà Nguyễn Thị L (ông Bùi Trắc Đ) cũng như đối với hộ dân khác tại huyện C qua các thời kỳ là hoàn toàn trái với quy định pháp luật đất đai và các hợp đồng đó là vô hiệu.

Ủy ban nhân dân huyện C không áp dụng khoản 2 Điều 77, Điều 129 Luật Đất đai để áp dụng tính hạn mức đối với gia đình ông. Việc áp dụng hạn mức có quy định tại Điều 129 Luật Đất đai: Khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai quy định hạn mức tối đa cho đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối là 2ha cho mỗi loại đất đối với địa

bàn thành phố Hải Phòng. Toàn bộ diện tích đất của gia đình ông là 6.744,6m² (dưới 2ha) là đủ điều kiện bồi thường 100% về đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện C lại áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 21 Quyết định 2680/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng và Công văn số 3571/UBND-ĐC3 để xác định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn huyện C là 940m²/ nhân khẩu. Việc áp dụng hạn mức này là hoàn toàn không đủ cơ sở pháp lý do thực tế tại thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ và Quyết định 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của UBND thành phố Hải Phòng thì địa bàn C không giao đất nên không có căn cứ xác định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn huyện C. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 để hướng dẫn UBND huyện C cách xác định hạn mức đối với hộ dân có đất bị thu hồi cho các dự án trên địa bàn huyện C bao gồm cả Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C và xác định 940m²/01 nhân khẩu là cách làm máy móc, nguyên tắc, trái pháp luật, vô căn cứ, mâu thuẫn với Điều 129 Luật Đất đai; cố tình tạo ra hạn mức để khống chế việc bồi thường, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Người khởi kiện cho rằng các quyết định nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ, nên đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông Bùi Trắc Đ;

Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Trắc Đ;

Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện C về việc điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

Công văn số 3571/UBND-ĐC3 về việc xác định hạn mức giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện C của UBND thành phố Hải Phòng ngày 21/7/2017.

Đồng thời, yêu cầu bồi thường 100% về đất đối với diện tích 6.744,6 m² đất làm muối và đất NTTS; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 6.744,6 m² đất làm muối và đất NTTS.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND huyện C, UBND huyện C thống nhất trình bày:*

- *Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất*: Tổng diện tích đất nông nghiệp Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án do gia đình bà L, ông Đ đang sử dụng là 6.744,6m², trong đó diện tích đất làm muối là 640,8m², đất nuôi trồng thủy sản là 6.103,8m²

- *Về đất làm muối*: Diện tích đất còn lại gia đình ông Đ đang sử dụng, Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án là 640,8m² bao gồm: Diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ là 459m² và diện tích đất chưa cấp GCN là 181,8m².

- *Về đất nuôi trồng thủy sản (NTTS)*: Diện tích đất NTTS của gia đình ông Bùi Trắc Đ, bà Nguyễn Thị L đang sử dụng và bị thu hồi là 6.103,8m² (chưa được cấp GCNQSDĐ đất) do gia đình tự khai hoang từ năm 1996 vào mục đích NTTS. Năm 2003, UBND xã V2 và gia đình ký hợp đồng kinh tế có thời hạn từ 01/01/2003 đến 30/12/2008 với diện tích ký hợp đồng là 4000m², trong quá trình sử dụng ông Đ tiếp tục cải tạo diện tích đang sử dụng. Đến năm 2016, UBND xã V2 và gia đình ông Đ, bà L ký hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 01/01/2016 đến 31/12/2016, trả tiền thuê đất hàng năm với diện tích là 4000m². Diện tích chênh lệch 2.103,8 là diện tích đất bờ đầm, xã chưa đo đạc hết vào để ký hợp đồng và diện tích khai hoang cải tạo thêm từ năm 2003 chưa được đo đạc lại để đưa vào ký hợp đồng. Năm 2017, UBND xã V2 thanh lý hợp đồng yêu cầu bàn giao đất nhưng thực tế gia đình ông Đ vẫn đang sử dụng vào mục đích NTTS. Như vậy, nguồn gốc đất là do hộ gia đình tự khoanh bao, cải tạo để sử dụng vào mục đích NTTS, sau đó đồng ý ký hợp đồng thuê đất với UBND cấp xã; không phải là đất được giao, được chia theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 03-QĐ/UB ngày 04/01/1994 của UBND thành phố Hải Phòng.

- *Về phương án bồi thường, hỗ trợ của huyện C*: Tổng giá trị đã phê duyệt cho hộ bà L, ông Đ là 1.882.199.160 đồng. Trong đó, bồi thường về đất là 270.543.160 đồng, bồi thường vật kiến trúc là 354.462.000 đồng, bồi thường cây cối, hoa màu là 4.232.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ về thủy sản là 43.194.000 đồng; chính sách hỗ trợ 1.209.768.000 đồng.

- *Về bồi thường, hỗ trợ về đất*: Theo điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai và điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014: Đối với diện tích đất 6.103,8m² NTTS đã có hợp đồng thuê đất hàng năm không được bồi thường về đất chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 20% giá đất cùng vị trí đối với toàn bộ diện tích thu hồi và không được hưởng chính sách hỗ trợ, chuyển đổi nghề, tạo việc làm. Tuy nhiên, áp dụng Công văn số 3571/UBND - ĐC3 ngày 21/6/2017, Công văn số 4318/UBND-DDC3 ngày 19/7/2017 của UBND thành phố Hải Phòng, UBND xã V2 đã xác định diện tích theo hạn mức bình quân đầu người trên địa bàn xã là 940m²/nhân khẩu. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện đã duyệt phương án bồi thường 100% về đất tại Quyết định số 1878/QĐ – UBND với diện tích 4.630m²; trong đó diện tích đất muối là 640,8m², đất NTTS là 3.990,2m²; diện tích còn lại 2113,6m² là đất nông nghiệp tự khai hoang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vượt hạn mức giao đất nông nghiệp theo Công văn 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố Hải Phòng, nên chỉ được hỗ trợ 20%. Theo quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, UBND huyện C đã điều chỉnh phương án BTHT, nên không trừ diện tích muối đã cấp GCNQSDĐ đất đã

chuyển nhượng và hạn mức đất BTHT, diện tích đất BTHT 100% là 5.159m² (gồm diện tích 640,8m² đất muối + 4.518,2m² đất NTTS tự khai hoang), diện tích ngoài hạn mức được hỗ trợ 20% là 1.585,6m².

+ *Về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:* Căn cứ Công văn số 3571, Công văn số 4318 của UBND thành phố Hải Phòng: Hạn mức giao đất nông nghiệp bình quân đầu người trên địa bàn xã V2 được Ủy ban nhân dân huyện C xác định là 940m²/ số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình (gọi tắt là NKNN) để làm căn cứ tính toán phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ có 05 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nên có diện tích được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 940m² x 5 = 4.700m². Căn cứ điểm a, Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khoản 1 Điều 21 Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng, UBND huyện C tính hỗ trợ chuyển đổi nghề và đào tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, cùng vị trí trong bảng giá đất do UBND thành phố ban hành đối với toàn bộ diện tích được xác định trong hạn mức. Theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND, điều chỉnh tại Quyết định 2707/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 thì UBND huyện phê duyệt phương án hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích được hỗ trợ là 4.700m²; diện tích còn lại, ngoài hạn mức, không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Vì vậy, yêu cầu của ông Bùi Trắc Đ về việc hủy các quyết định thu đất, phê duyệt phương án BTHT là không có cơ sở xem xét.

Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng giải quyết khiếu nại lần hai (tại Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 12/8/2021) đã kết luận khiếu nại của ông Bùi Trắc Đ là đúng một phần; UBND huyện C đã thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, rà soát điều chỉnh phương án BTHT của các hộ dân theo quy định. Việc UBND huyện C thực hiện Công văn số 4318/UBND-ĐC3 ngày 19/7/2017 của UBND thành phố để xác định diện tích đất của các hộ gia đình được bồi thường 100% là phù hợp nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, có lợi cho người dân. Do đó, bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ yêu cầu bồi thường 100% về đất đối với toàn bộ diện tích đất đã thu hồi là không có cơ sở.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

Ngày 12/8/2021, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 2285/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần hai của 5 hộ gia đình đối với Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện C, theo đó kết luận khiếu nại của ông Bùi Trắc Đ là đúng một phần và UBND huyện C đã thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, rà soát điều chỉnh phương án BTHT của các hộ dân theo quy định. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2285/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07b/2023/HCST ngày 16 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013; Điều 17, Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ về việc:

- + Yêu cầu Bồi thường 100% về đất đối với diện tích 6.744,6 m² đất làm muối và đất nuôi trồng thủy sản;

- + Yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 6.744,6 m² đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản và yêu cầu hủy các quyết định;

- + Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

- + Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

- + Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C;

- + Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông Bùi Trắc Đ;

- + Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Trắc Đ;

- + Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện C về việc điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả các đương sự và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự đều vắng mặt; không cung cấp thêm được các tài liệu, chứng cứ khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung quyết định hành chính là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 31/3/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 07b/2023/HCST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều vắng mặt nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 25/5/2022, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy các Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C (có nội dung thu hồi 6.103,8m² đất NTTS); Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C (thu hồi 640,8m² đất làm muối); Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C; Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông Bùi Trắc Đ; Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Bùi Trắc Đ và Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND huyện C về việc điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast tại đảo C là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính.

Do các quyết định hành chính đã được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng giải quyết khiếu nại lần hai ngày 12/8/2021 và ban hành quyết định bổ sung ngày 27/10/2021, nên việc khởi kiện, bổ sung việc khởi kiện của bà L, ông Đ là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc xác định hạn mức giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện C là văn bản của UBND thành phố Hải Phòng được ban hành chung, mang tính chỉ đạo của cấp trên đối với cấp dưới về việc xác định hạn mức giao đất nông nghiệp được áp dụng nhiều lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định văn bản này là đối tượng khởi kiện và không xem xét yêu cầu hủy Công văn 3571/UBND-ĐC3 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì việc Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng; Chủ tịch và UBND huyện C ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất đã thu hồi:

Đối với đất làm muối của gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ tại thửa số 201 và đất NTTS tại thửa số 23a thì người khởi kiện và người bị kiện đều đã trình bày thống nhất, cụ thể: Đất làm muối bà L, ông Đ có GCNQSD đất là 459,0m², diện tích chưa có GCNQSD đất là 181,8m²; đất NTTS không có GCNQSD đất là 6.103,8m² là do gia đình ông Đ tự khai hoang, sử dụng vào mục đích NTTS, sau đó gia đình ông Đ và UBND xã V2 ký kết hợp đồng kinh tế với thời hạn từ 01/01/2003 đến 30/12/2008, diện tích 4000m². Năm 2016, tiếp tục ký hợp đồng thuê đất với thời hạn 01 năm, diện tích 4000m²; diện tích chênh lệch 2.103,8m² là do diện tích bờ đầm, chưa đo đạc hết vào để ký hợp đồng. Năm 2017, UBND xã đã có quyết định thanh lý hợp đồng thuê đất và yêu cầu người thuê đất bàn giao lại diện tích đang sử dụng cho UBND xã V2. Tuy nhiên, gia đình bà L, ông Đ vẫn sử dụng và chưa bàn giao lại diện tích đầm cho UBND xã quản lý.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng thuê đất giữa UBND xã V2 và ông Bùi Trắc Đ, bà Nguyễn Thị L được ký kết liên tục suốt từ năm 2003 đến năm 2017 là thể hiện sự quản lý của Nhà nước đối với đất đai theo quy định tại Điều 1 Luật Đất đai 1993; là sự thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên, thể hiện ý chí tự nguyện của hai bên và được hai bên thống nhất thực hiện, nên không trái với quy định của pháp luật là phù hợp và có căn cứ.

[3.2.2] Về chính sách bồi thường hỗ trợ:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013 thì các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó có đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm; đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng. Như vậy, đối với diện

tích đất 6.103,8m² NTTS chưa được cấp GCNQSD đất, nhưng gia đình bà L sử dụng từ năm 2003 cho đến khi thu hồi (năm 2017) là thuộc hợp đồng kinh tế giữa người sử dụng đất với UBND xã V2; hộ gia đình ông Bùi Trắc Đ không thuộc trường hợp sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, nên diện tích này thuộc trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên, để tránh thiệt thòi cho các hộ dân, trong đó có hộ gia đình ông Bùi Trắc Đ, UBND huyện C đã báo cáo đề xuất UBND thành phố Hải Phòng cho phép UBND huyện vận dụng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 để tính toán bồi thường về đất cho các hộ dân và trên cơ sở báo cáo đề xuất của UBND huyện C, Báo cáo số 137/BC-STNMT với nội dung đồng ý chủ trương xác định hạn mức giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình cá nhân (trường hợp chưa được cấp GCNQSD đất) trên địa bàn huyện C, cụ thể: Hạn mức giao đất nông nghiệp = Tổng diện tích đất nông nghiệp thực tế tại thời điểm năm 2017 trên địa bàn từng xã, thị trấn – (trừ đi) diện tích đất công ích 5% và : (chia) cho số nhân khẩu lao động nông nghiệp thống kê năm 1995 trên địa bàn các xã, thị trấn. Ngày 19/7/2017, UBND thành phố Hải Phòng ban hành Công văn số 4318/UBND-ĐC3 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp tự khai hoang của các hộ dân tại huyện C với nội dung “Đồng ý bồi thường đối với phần diện tích đất nông nghiệp do các hộ dân tự khai hoang trước ngày 01/7/2004 để sản xuất nông nghiệp (phần diện tích còn thiếu so với hạn mức giao đất xác định tại Công văn số 3571/UBND-ĐC3 ngày 21/6/2017 của UBND thành phố. Phần diện tích vượt hạn mức xét hỗ trợ theo quy định”. Thực hiện các văn bản hướng dẫn của UBND thành phố, ngày 28/6/2017, UBND xã V2 xác định hạn mức được xác định bằng tổng diện tích đất sản xuất muối, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất NTTS tại thời điểm năm 2017, sau khi để lại diện tích đất sử dụng vào mục đích công ích, chia cho tổng số nhân khẩu lao động năm 1995 bằng 940m²/ nhân khẩu thì gia đình bà L ông Đ được phê duyệt bồi thường đối với diện tích đất 5.159m² và hỗ trợ đối với 1.5856m² đất NTTS còn lại là phù hợp và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc xác định hạn mức của UBND thành phố Hải Phòng tại Văn bản số 3571/UBND-ĐC và Văn bản số 4318/UBND-ĐC3 chỉ có tính chất xác định số liệu để tính toán phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất mà không phải xác định hạn mức để giao đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật, nên không chấp nhận quan điểm của người khởi kiện cho rằng việc xác định 940m²/nhân khẩu là mâu thuẫn với Điều 129 Luật Đất đai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; nhận định này là có căn cứ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn nhận định việc UBND huyện C, UBND thành phố Hải Phòng đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất trên cơ sở tính toán bồi thường có lợi cho người dân huyện C nói chung và hộ gia đình ông Đ, bà L nói riêng; phù hợp với việc sử dụng đất của người dân tại địa bàn huyện C; hơn nữa việc bàn giao mặt bằng dự án đã được triển khai xây dựng và đi vào hoạt động, đã có những đóng góp tích cực trong việc phát triển kinh tế, xã hội địa phương, nên đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Trắc Đ là phù hợp.

Đối với diện tích đất làm muối là 459,0m² đã được cấp GCNQSD đất và 181,8m² chưa có GCNQSD đất đều đã được bồi thường 100% về đất đúng quy định.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07b/2023/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng